

# SỰ ĐIỀU CHỈNH KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI ĐỂ THÍCH NGHI VỚI HOÀN CẢNH LỊCH SỬ MỚI

**Đỗ Thị Khánh Nguyệt**  
*Khoa Lý luận chính trị*  
*Email: nguyetdtk@dhhp.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 19/4/2022*

*Ngày PB đánh giá: 17/5/2022*

*Ngày duyệt đăng: 20/5/2022*

## **TÓM TẮT:**

Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản là chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không ngừng được điều chỉnh, mở rộng để mang tính xã hội hóa. Cùng với nó, vai trò của nhà nước đối với đời sống kinh tế ngày càng tăng. Vì vậy, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã thích nghi với hoàn cảnh lịch sử mới và vẫn đang tồn tại, phát triển.

**Từ khóa:** chủ nghĩa tư bản hiện đại, sự điều chỉnh kinh tế, thích nghi

---

## **ECONOMIC ADJUSTMENT OF CONTEMPORARY CAPITALITY TO ADAPT TO THE NEW HISTORICAL SITUATION**

### **ABSTRACT:**

The economic base of capitalism is the capitalist private appropriation of the means of production. During the developing process of capitalism, capitalist relations of production are constantly adjusted and expanded to be socialized. Along with this, the role of the state in all economic aspects is increasing. Therefore, the contemporary capitalism has adapted to new historical circumstances, existed and developed.

**Keyword:** contemporary capitalism, economic adjustment, adapt.

---

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, trình độ xã hội hóa của lực lượng sản xuất ngày càng cao thì quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất ngày càng trở nên chật hẹp so với nội dung vật chất ngày càng lớn lên của nó. Theo sự phân tích của C. Mác và V.I. Lênin, đến một chừng mực nhất định, quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sẽ bị phá vỡ và thay vào đó là một quan hệ sở hữu mới - sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất được xác lập để đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, khi trả lời câu hỏi: “Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không?”, Ph. Ăng-ghe-n đã trả lời: “Không, không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu... và chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu” [8; tr.469].

Trong thời đại ngày nay, trước sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hoá kinh tế, chủ nghĩa tư bản luôn

tìm cách *điều chỉnh cả về quan hệ sản xuất lẫn vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế*, nhằm thích nghi với sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp của các mối quan hệ kinh tế, chính trị, quốc tế. Vì vậy, mặc dù mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản vẫn còn tồn tại, nhưng không quyết liệt đến mức dẫn tới tình thế cách mạng và chủ nghĩa tư bản tỏ ra vẫn còn sức sống nhất định. Chúng ta cần nhận thức đúng đắn về năng lực tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản để thích nghi với hoàn cảnh lịch sử mới, từ đó thấy được tính quanh co phức tạp trong sự phát triển của phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

## II. NỘI DUNG

Chủ nghĩa tư bản hiện đại là nấc thang phát triển cao của chủ nghĩa tư bản độc quyền trong thời đại toàn cầu hóa, độc quyền không chỉ trong phạm vi một quốc gia, mà mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản với trình độ phát triển rất cao của lực lượng sản xuất trên nền tảng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại; sở hữu tư nhân, nền tảng của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, không còn tồn tại dưới hình thức sở hữu của những người sản xuất độc lập, mà là sở hữu tư nhân đã được xã hội hóa; nhà nước tư sản không chỉ bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phục vụ lợi ích của các tập đoàn tư bản, mà còn xây dựng cơ chế điều hòa quan hệ lợi ích giữa người lao động và chủ doanh nghiệp, giảm bớt sự phân hóa và xung đột xã hội.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có sự điều chỉnh mạnh mẽ cả ba mặt của quan hệ sản xuất và vai trò của nhà nước đối với nền

kinh tế, nhằm thích ứng với sự phát triển rất cao của lực lượng sản xuất. Vì vậy, ngày nay, nó vẫn tồn tại và tiếp tục phát triển.

### 1. Sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản hiện đại

Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Trong quá trình phát triển của mình, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dù luôn luôn lạc hậu hơn so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng cũng đã có sự vận động, biến đổi: lúc đầu là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thuần khiết, trong đó “của riêng là thiêng liêng và bất khả xâm phạm”; khi các tổ chức độc quyền ra đời, xuất hiện sở hữu tập thể các nhà tư bản (trên cơ sở cùng nhau góp vốn lập xí nghiệp, thuê công nhân, và cùng nhau phân chia giá trị thặng dư); khi chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ra đời, một hình thức mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành - sở hữu tư bản độc quyền nhà nước.

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chủ yếu là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thuần khiết, tư liệu sản xuất thuộc về cá nhân các nhà tư bản, vì vậy, trong quá trình quản lý điều hành xí nghiệp, nếu nhà tư bản tổ chức quản lý giỏi, quy mô tư bản của ông ta sẽ tăng lên, hoặc ngược lại, xí nghiệp có thể bị thua lỗ, phá sản.

Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, xuất hiện thêm hình thức sở hữu tập thể các nhà tư bản. Lúc này các nhà tư bản tham gia góp vốn trong các tổ chức độc quyền, trở thành những cổ đông thu lợi nhuận theo số lượng

cổ phần. Công ty cổ phần là một trong những công cụ giúp thực hiện nhanh chóng vấn đề tập trung tư bản, giúp cho các nhà tư bản giải quyết được mâu thuẫn về tư bản một cách sáng tạo. Nhờ tập trung tư bản mà có thể tổ chức được một cách rộng lớn lao động xã hội, biến quá trình sản xuất rời rạc, thủ công thành quá trình sản xuất phối hợp theo quy mô lớn và được sắp xếp một cách khoa học, xây dựng được những công trình công nghiệp lớn, sử dụng kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Tập trung tư bản không những dẫn đến sự thay đổi về lượng của tư bản, mà còn làm cho tư bản có một chất lượng mới, làm cho cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên (các nhà tư bản có điều kiện để mua sắm máy móc, thiết bị tiên tiến; thay đổi dây chuyền công nghệ hiện đại), nhờ đó năng suất lao động tăng lên nhanh chóng, khối lượng giá trị thặng dư cũng tăng lên tương ứng. Chính vì vậy, tập trung tư bản trở thành đòn bẩy mạnh mẽ của tích lũy tư bản.

C. Mác khẳng định: “*Nếu như cứ phải chờ cho đến khi tích lũy làm cho số tư bản riêng lẻ lớn lên đến mức có thể đảm đương được việc xây dựng đường sắt thì có lẽ đến ngày nay thế giới vẫn chưa có đường sắt*” [7; tr.199].

Mặt khác, với hình thức hoạt động của công ty cổ phần, thông qua kỳ họp của hội đồng quản trị, tập thể các nhà tư bản cùng nhau bàn bạc để lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh tối ưu, vì vậy nguy cơ rủi ro sẽ thấp hơn so với các xí nghiệp độc lập của cá nhân từng nhà tư bản trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do.

Trước làn sóng đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại các nhà tư bản, quan

hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có sự điều chỉnh trên cả ba mặt: quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm. Ngày nay, một bộ phận giai cấp công nhân đã được tham gia mua cổ phiếu trong công ty cổ phần nên về hình thức bên ngoài, họ đã có một chút tư liệu sản xuất, công ty trở thành “của chung”; họ được tham gia đại hội cổ đông (dưới hình thức uỷ quyền); ngoài tiền công (v), công nhân cũng được tham gia vào hệ thống phân chia lợi nhuận dưới hình thức thu nhập là lợi tức cổ phần. Ở đây, quan hệ sở hữu đã có một số thay đổi, biểu hiện nổi bật là sự phân tán quyền nắm cổ phiếu tăng lên. Ví dụ, những năm 90 của thế kỷ XX, số lượng người dân nắm cổ phiếu và giá trị cổ phiếu ở Mỹ đều tăng khá nhanh. Nhưng trên thực tế, công nhân là cổ đông nhỏ, không thể cùng với nhà tư bản phân chia quyền lực, nên về mặt hình thức có vẻ phân tán hoá quyền không chế cổ phiếu, nhưng bản chất cũng không thể làm thay đổi địa vị làm thuê của người lao động.

Tuy nhiên, với sự điều chỉnh này, cũng đã làm thay đổi kết cấu giai cấp, các giai cấp, tầng lớp, đoàn thể xã hội cùng tồn tại và tác động lẫn nhau. Bởi vì, cùng với sự tăng trưởng của sản xuất và sự điều chỉnh về quan hệ sản xuất, thu nhập bằng tiền lương của người lao động cũng có được mức tăng trưởng khá lớn. Hiện nay giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, phần đông đã được trả công theo giá trị sức lao động, đồng thời nếu có cổ phiếu trong công ty cổ phần họ sẽ có thêm thu nhập ngoài tiền công. Mặt khác, để mở rộng sản xuất, chủ nghĩa tư bản cũng rất cần tăng số “cầu” của dân cư, tăng quy mô tiêu dùng

cá nhân. Những điều này dẫn tới sự thay đổi đáng kể trong đời sống những người lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Tình trạng nghèo khổ vẫn còn, nhưng không phải phổ biến ở phần lớn những người công nhân làm thuê; đang phát triển một bộ phận trung lưu (chiếm khoảng 40 – 50% dân số), không cảm thấy trực tiếp ách áp bức của hệ thống tư bản chủ nghĩa. Khi công ty trở thành “của chung”, một mặt gắn lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của công ty, mặt khác do có thêm thu nhập (lợi tức cổ phần), đời sống của giai cấp công nhân đã được cải thiện, vì vậy có thể giải thích tại sao cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân có phần lắng xuống so với thời kỳ của C.Mác, của V.I.Lênin.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đặc biệt sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, chủ nghĩa tư bản độc quyền đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, hình thức vận động mới của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa - sở hữu tư bản độc quyền nhà nước đã hình thành. Sở hữu độc quyền nhà nước là sở hữu tập thể của giai cấp tư sản độc quyền, có nhiệm vụ ủng hộ và phục vụ lợi ích của tư bản độc quyền nhằm duy trì sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Sở hữu độc quyền nhà nước xuất hiện thì quan hệ sở hữu của xã hội tư bản có sự thay đổi: nhà nước là chủ sở hữu một khối lượng tư bản khổng lồ, giữa sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân có sự gắn bó ngay trong quá trình tuần hoàn của tổng tư bản xã hội. Tỷ trọng của kinh tế thuộc nhà nước trong nền kinh tế quốc dân được nâng lên rõ rệt, nó vừa bao gồm các xí nghiệp thuộc nhà nước trong các ngành sản xuất vật chất, vừa bao gồm các tổ chức

tài chính thuộc ngân hàng, ngành kinh tế thứ ba (dịch vụ), cùng những công trình cơ sở hạ tầng xã hội mới xây dựng do nhà nước tư bản chủ nghĩa đầu tư. Có thể nói, sở hữu nhà nước tư sản bao gồm các xí nghiệp công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ và phần lớn các ngành thuộc kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, động sản, bất động sản..., trong đó ngân sách nhà nước và ngân hàng trung ương là quan trọng nhất.

Kinh tế thuộc nhà nước và tư nhân kết hợp tăng lên mạnh mẽ. Năm 1979, trong 40 công ty công nghiệp lớn nhất của Tây Âu có 7 công ty hỗn hợp vốn giữa nhà nước và tư nhân. Trong đó vốn nhà nước chiếm khoảng một nửa. Trong các công ty dầu lửa của Mỹ, cổ phần do Chính phủ nắm là 46%. Ở Cộng hòa Liên bang Đức đã có 1.000 xí nghiệp thuộc nhà nước và tư nhân kết hợp.

Sở hữu nhà nước được hình thành bằng nhiều con đường khác nhau:

*Một là*, nhà nước dùng ngân sách để đầu tư xây dựng mới. Sự phát triển của phân công lao động xã hội đã làm xuất hiện một số ngành mà các tổ chức độc quyền tư nhân không thể hoặc không muốn kinh doanh vì vốn đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, lợi nhuận thấp, trình độ nghiên cứu khoa học, thiết kế và thử nghiệm cao, vì vậy nhà nước tư sản phải dùng vốn ngân sách để đầu tư vào các ngành đó như năng lượng, giao thông vận tải, giáo dục, nghiên cứu khoa học cơ bản... Sự xuất hiện kịp thời của sở hữu nhà nước đã giải phóng tư bản của các tổ chức độc quyền tư nhân từ những ngành ít lãi để đưa vào những ngành kinh doanh có hiệu quả hơn, đảm bảo địa bàn rộng lớn cho sự phát triển của tư bản tư nhân.

*Hai là*, quốc hữu hoá các xí nghiệp tư nhân bằng cách mua lại. Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, một số ngành sản xuất cũ không đứng vững nổi trước sự cạnh tranh và trở nên thua lỗ, nhiều xí nghiệp tư nhân đứng bên bờ vực phá sản, đe dọa sự phát triển ổn định của các ngành khác, vì vậy nhà nước tư sản dùng ngân sách để mua lại các xí nghiệp tư nhân, biến nó thành doanh nghiệp nhà nước. Thậm chí, khi khủng hoảng kinh tế xảy ra nhà nước mua lại các khoản nợ xấu, mua lại cổ phần chi phối và nắm quyền điều hành; khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tài chính, doanh nghiệp mua lại các tổ chức đồ vỡ và phá sản. Ví dụ: Tập đoàn bảo hiểm và dịch vụ tài chính AIG (American International Group) đã được Chính phủ Mỹ giải cứu hai lần với số tiền lên tới 150 tỉ USD trong năm 2008. Đổi lại, Chính phủ Mỹ đã kiểm soát gần 80% cổ phần của hãng bảo hiểm này. Chính phủ Anh cũng đưa ra gói giải cứu ngân hàng thứ hai trị giá khoảng 145 tỉ USD.

*Ba là*, góp vốn cổ phần để xây dựng các xí nghiệp hỗn hợp, kể cả hỗn hợp với tư bản nước ngoài. Việc xuất hiện các xí nghiệp hỗn hợp có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại: *một mặt*, cho phép khai thác tiềm năng về vốn, khoa học - công nghệ, kinh nghiệm tổ chức quản lý của các nhà tư bản tư nhân; *mặt khác*, nhà nước có điều kiện để kiểm soát các hoạt động kinh tế, uốn nắn những lệch lạc bằng các công cụ kinh tế và các công cụ hành chính - pháp lý, tạo nền tảng để ổn định kinh tế vĩ mô.

Sở hữu nhà nước phản ánh xuyên tạc bản chất của chế độ sở hữu tư nhân tư bản

chủ nghĩa, vì nó biểu hiện ra như có tính xã hội, song trong thực tế, nó không vượt được khuôn khổ của sở hữu tư bản chủ nghĩa, vì trong các xí nghiệp nhà nước, công nhân vẫn là người lao động làm thuê. Các xí nghiệp nhà nước được sử dụng như những công cụ chủ yếu phục vụ lợi ích của tầng lớp tư bản độc quyền, vì vậy, công nhân vẫn không phải là người chủ đối với tư liệu sản xuất của xí nghiệp nhà nước.

Như vậy, sự phát triển của cơ chế chiếm hữu tư nhân giai đoạn tự do cạnh tranh đã dần được thay thế bằng cơ chế kinh tế có mang những yếu tố kế hoạch đáng kể. Các hình thức truyền thống của quan hệ sản xuất đã đan xen với các hình thức độc quyền nhà nước được sản sinh bởi quá trình xã hội hoá sản xuất. Quan hệ sản xuất ở các nước tư bản chủ nghĩa đã được xã hội hoá hơn trước, vì thế, trong một chừng mực nhất định, có sự thích ứng hơn với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngày nay, mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đương nhiên vẫn còn tồn tại và có những mặt gay gắt; nhưng ở khía cạnh khác, mâu thuẫn đó không còn những đường nét và ranh giới rõ ràng như trước. Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhà nước tư sản chiếm hữu và phân phối từ 30% - 60% thu nhập quốc dân. Đây không đơn thuần là sự chiếm hữu tư nhân nữa, mà phần nào đã mang tính chất xã hội.

## **2. Những điều chỉnh trong vai trò kinh tế của nhà nước ở chủ nghĩa tư bản hiện đại**

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, nhà nước hầu như đứng ngoài hoạt động sản xuất và trao đổi hàng hoá.

Nó chỉ can thiệp vào các hoạt động kinh tế khi chế độ tư hữu bị ảnh hưởng. Nền kinh tế vận động và chịu sự điều tiết bởi các quy luật kinh tế khách quan của thị trường. Vì vậy, các nhà tư bản hầu như có đầy đủ quyền kinh doanh và bóc lột người lao động. Trong giai đoạn này, thành phần kinh tế tư nhân chiếm toàn bộ nền kinh tế. (Sau này khi chủ nghĩa tư bản nhà nước ra đời, với sự can thiệp điều phối của nhà nước vào quá trình kinh tế thì tỷ trọng của thành phần tư nhân có giảm xuống, nhưng đối với một nền kinh tế tư bản đặc trưng nó vẫn luôn chiếm tỷ trọng là thành phần lớn nhất trong nền kinh tế).

Vì nền kinh tế được điều hành bởi cá nhân và các doanh nghiệp tư nhân, lấy lợi nhuận tối đa là mục tiêu phấn đấu, do đó kinh tế tư bản chủ nghĩa về cơ bản là tự định hướng, tự điều hành, tự phát theo quy luật của thị trường cạnh tranh tự do. Điều này đã làm cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thường xuyên xảy ra tình trạng khủng hoảng “thừa”. Cuộc khủng hoảng kinh tế đầu tiên nổ ra vào năm 1825 ở nước Anh và cuộc khủng hoảng đầu tiên diễn ra trên quy mô thế giới nổ ra vào năm 1847. Khủng hoảng kinh tế xuất hiện làm cho quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa mang tính chu kỳ. Trong giai đoạn cạnh tranh tự do của chủ nghĩa tư bản, cứ khoảng từ 8 đến 12 năm, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa lại phải trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế. Khi khủng hoảng kinh tế xảy ra, tình trạng thất nghiệp, bản cùng hoá giai cấp công nhân ngày càng gay gắt, năng lực sản xuất bị phá hoại nghiêm trọng, cho thấy quan hệ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã quá “chật hẹp” so với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền. Lúc này bên cạnh cơ chế điều tiết của thị trường, đã xuất hiện thêm cơ chế điều tiết của độc quyền tư nhân. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế không giảm, thậm chí còn gay gắt hơn, điển hình như cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã kéo lùi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hàng chục năm. Cơ chế thị trường tự do cạnh tranh và cơ chế độc quyền tư nhân đều có những tác động tích cực và tiêu cực. Khi trình độ xã hội hoá lực lượng sản xuất vượt khỏi giới hạn điều tiết của cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân thì tất yếu đòi hỏi phải được bổ sung bằng sự điều tiết của Nhà nước.

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, vai trò điều tiết của nhà nước tư bản độc quyền ngày càng tăng cường. Nhà nước tư bản dung hợp cả 3 cơ chế: thị trường, độc quyền tư nhân và điều tiết của nhà nước nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của từng cơ chế. Xét đến cùng và về bản chất, hệ thống điều tiết đó phục vụ cho chủ nghĩa tư bản độc quyền.

*Thứ nhất*, vai trò điều tiết của nhà nước tư bản độc quyền đã có những tác động tích cực đến nền kinh tế, nó làm cho chu kỳ khủng hoảng ở các nước tư bản sau chiến tranh có những thay đổi sâu sắc, khủng hoảng kinh tế vẫn diễn ra nhưng không gay gắt như trước đây. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã làm rung chuyển thế giới tư bản chủ nghĩa, sản xuất công nghiệp ở các nước tư bản phát triển trong thời gian này đã bị

kéo lùi lại hàng chục năm, chỉ tương đương với sản lượng công nghiệp những năm cuối thế kỷ XIX. Nhưng từ sau chiến tranh, khủng hoảng kinh tế ở các nước không dữ dội như trước chiến tranh, sản xuất công nghiệp chỉ giảm tương đối nhẹ (mức giảm cao nhất cũng chỉ là 21%, còn thấp nhất có cuộc khủng hoảng chỉ giảm 1,4%).

*Thứ hai*, sự điều tiết kinh tế của nhà nước tư bản độc quyền được thực hiện dưới nhiều hình thức: hướng dẫn, kiểm soát, uốn nắn những sai lệch của nền kinh tế. Phương thức điều tiết của nhà nước tư bản cũng thay đổi một cách linh hoạt, mềm dẻo hơn, kết hợp điều tiết tình thế với điều tiết dài hạn. Các công cụ và phạm vi điều tiết của nhà nước cũng đa dạng và mở rộng hơn:

- Điều tiết bằng chương trình và kế hoạch. Ví dụ: chi ngân sách được thực hiện theo các chương trình kinh tế - xã hội trung hạn và dài hạn, như chương trình phục hồi kinh tế, chương trình phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chương trình phát triển kết cấu hạ tầng.

- Điều tiết cơ cấu kinh tế bằng quan hệ thị trường thông qua hợp đồng kinh tế. Nhà nước ký hợp đồng, đặt hàng với các đơn vị kinh tế tư nhân, hỗ trợ về tài chính, đảm bảo cung ứng nguồn nguyên liệu đầu vào (thông qua nhập khẩu nếu thị trường trong nước khan hiếm), đảm bảo thị trường đầu ra cho sản phẩm của các doanh nghiệp tư nhân. Mặt khác, nhà nước hỗ trợ những ngành truyền thống cần được tiếp tục duy trì và những ngành mũi nhọn với công nghệ cao. Như vậy, nhu cầu của nhà nước đã trở thành một công cụ tác động vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách chủ động.

- Điều tiết tiến bộ khoa học và công nghệ bằng tăng chi ngân sách cho nghiên cứu và phát triển, tăng tài trợ cho nghiên cứu ứng dụng của các công ty tư nhân, đề xuất những hướng ưu tiên nghiên cứu khoa học hoặc mua công nghệ của nước ngoài nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả sản xuất; tổ chức lại khu vực nhà nước rộng lớn để mở rộng môi trường cạnh tranh...

- Điều tiết thị trường sức lao động: Việc ứng dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ vào sản xuất và thay đổi cơ cấu kinh tế thích ứng với công nghệ mới trong chế độ tư bản chủ nghĩa tất yếu dẫn đến tăng số người thất nghiệp. Vì vậy, để xoa dịu mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, nhà nước tư bản phải điều tiết thị trường sức lao động. Trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa luôn tiềm ẩn nguy cơ thất nghiệp, nó đòi hỏi phải có những điều chỉnh của nhà nước tư sản hiện đại. Chủ thể điều tiết là các công đoàn, các doanh nghiệp và nhà nước. Sự điều tiết này đã tác động cả phía cung và phía cầu sức lao động, nó tác động đến tiền lương, thời gian lao động, quy tắc thuê và thải nhân lực, trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội... Ngày nay, ở các nước tư bản phát triển nhất dù còn có những người không được đảm bảo có cuộc sống bình thường, song phải thừa nhận rằng nhu cầu thiết yếu (ăn, mặc, ở, y tế, đi lại) đã được thỏa mãn vững chắc ngay cả trong những lúc có chấn động kinh tế. Nhu cầu cao hơn đã được đề ra và được áp dụng ngày càng phong phú, đa dạng hơn (nhu cầu nâng cao chất lượng nghỉ ngơi, giải trí và phát triển nhân cách).

- Điều tiết thị trường tài chính, tiền tệ, chống lạm phát, điều tiết giá cả. Hiện nay, các nước tư bản phát triển đã can thiệp vào các quá trình kinh tế nhằm hạn chế tính vô chính phủ. Do tính vô chính phủ trong quá trình sản xuất của các tổ chức kinh tế ở các lĩnh vực khác nhau đã dẫn đến những cuộc khủng hoảng kinh tế, sự lạm phát gia tăng, sự thất nghiệp và ô nhiễm môi trường. Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, hệ thống ngân hàng đặc biệt là ngân hàng trung ương đã trở thành công cụ điều tiết vĩ mô nhạy bén của nhà nước. Các nước tư bản hiện đại chủ yếu sử dụng chính sách tiền tệ, tín dụng, thu chi ngân sách vừa mềm dẻo vừa mang tính chất chỉ dẫn để hạn chế tính vô chính phủ. Nhà nước tư sản đã chỉ ra các mục tiêu cần đạt, giải thích và thuyết phục các thành phần kinh tế thực hiện, nhà nước không ra lệnh thực hiện các mục tiêu mà trao ưu đãi (như tài chính, thuế) cho những thành phần kinh tế thực hiện được mục tiêu và trừng phạt những thành phần nào không đạt được mục tiêu.

- Điều tiết các quan hệ kinh tế đối ngoại, hệ thống tài chính - tiền tệ quốc tế... Cùng với sự phát triển của các công ty độc quyền xuyên quốc gia và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới, chủ nghĩa tư bản tổ chức ra Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới và các thỏa thuận về thuế quan. Do nhu cầu điều chỉnh quan hệ thương mại nên ngay từ năm 1948, các nước tư bản đã tổ chức ra Hiệp định chung về thuế quan (GATT). Sau đó, do tiến trình khu vực hóa được xúc tiến mạnh mẽ nên đã dẫn đến sự ra đời của Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC), Khu vực tự do Bắc Mỹ và Diễn đàn kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Nhà nước tiến hành hiệp thương hai bên hoặc các bên trong nhiều vấn đề, phối hợp chính sách kinh tế giữa các nước, kịp thời làm dịu mâu thuẫn kinh tế giữa các nước. Trong giai đoạn hiện nay, hòa bình ổn định và phát triển đã trở thành xu thế chính của thế giới, mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước và các khu vực trên thế giới không ngừng tăng lên, đã ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ kinh tế quốc tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Các nước tư bản hiện đại đã phải điều chỉnh những quan hệ này để chiếm giữ vị trí không chế thị trường thế giới.

Mặt khác, sau chiến tranh thế giới thứ hai, do sự thay đổi điều kiện chính trị và kinh tế quốc tế, đặc biệt do nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc giành được độc lập chính trị, hệ thống thuộc địa cũ đã bị sụp đổ, bên ngoài các nước đế quốc đã thực hiện chính sách thực dân mới, công nhận độc lập chính trị của các nước vốn là thuộc địa, nhưng trên thực tế, đã dùng mọi thủ đoạn để kiểm soát gián tiếp các nước này về kinh tế và chính trị. Xuất khẩu hàng hoá, xuất khẩu tư bản, viện trợ... là những thủ đoạn quan trọng để các nước đế quốc mở rộng sự thâm nhập vào các nước đang phát triển. Đây cũng chính là cơ hội để các nước tư bản chủ nghĩa mở rộng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ra bên ngoài nhằm chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi ở nước nhập khẩu tư bản. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các công ty độc quyền xuyên quốc gia là lực lượng thao túng thị trường thế giới. Hiện nay, khoảng 200 công ty xuyên quốc gia đang chiếm 1/3 GDP của thế giới, thu tóm 70% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), 2/3 mậu



dịch quốc tế và trên 70% chuyển nhượng kỹ thuật của thế giới.

Sự phát triển của khoa học, công nghệ đã dẫn đến toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới. Nó đã buộc chủ nghĩa tư bản độc quyền xuyên quốc gia phải thích nghi bằng cách tổ chức ra các thị trường khu vực, thị trường thế giới, các quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng thế giới để giải quyết các mối quan hệ kinh tế và nhất là để thao túng thị trường thế giới. Sự ra đời của những tổ chức này có đưa lại thời cơ phát triển kinh tế cho các nước kém phát triển, nhưng mục đích chính của nó là để tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, hay nói cách khác, để chủ nghĩa tư bản chi phối nền kinh tế thế giới. Đó cũng chính là bản chất của thị trường thế giới.

Chủ nghĩa tư bản độc quyền tìm cách thích nghi để vừa thao túng thị trường thế giới, vừa thực hiện âm mưu gây ảnh hưởng về chính trị đối với các nước. Nếu trước đây, hình thức xâm lược của chủ nghĩa đế quốc là chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, thì sau chiến tranh thế giới thứ hai, do tương quan lực lượng thay đổi và mất thế chủ động lịch sử, nên hình thức xâm lược của nó là chủ nghĩa thực dân kiểu mới, thực hiện xâm lược, thôn tính thông qua bàn tay người bản xứ, dưới chiêu bài “độc lập”, “quốc gia” giả hiệu.

Trước đây, hình thức xâm lược của chủ nghĩa đế quốc là chiến tranh. Sau này, do phong trào chống chiến tranh phát triển mạnh mẽ, hơn nữa, nếu tiến hành chiến tranh thì sẽ tốn kém, dễ bị các nước tư bản khác vượt qua, nên chủ nghĩa đế quốc chuyển sang dùng sức mạnh về tiền vốn, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý và thị trường

làm công cụ, cùng với các thủ đoạn chính trị, ngoại giao, văn hóa, tư tưởng để thực hiện “điển biến hòa bình”, “giành thắng lợi không cần chiến tranh”. Trong quan hệ với các nước kém phát triển, các nước tư bản chủ nghĩa đang chuyển từ chính sách tước đoạt cướp bóc, kiểm chế các nước này trong vùng lạc hậu sang chính sách thúc đẩy sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa phụ thuộc ở các nước này, tạo ra ở các nước này một thị trường rộng lớn - nơi sẽ tiêu thụ một lượng hàng hoá lớn do các tổ chức độc quyền tư nhân của mình sản xuất ra, một hệ thống công nghiệp phụ thuộc, một môi trường kinh doanh thuận lợi cho họ. Điều đó giúp chúng ta hiểu rõ tại sao các nước tư bản phát triển lại xoá nợ cho các nước nghèo, thực hiện viện trợ không hoàn lại... Trước xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, chủ nghĩa tư bản cũng “hưởng ứng” hòa bình, ký kết “hợp tác”, nhưng mục đích cuối cùng của chúng là để tiếp tục tồn tại, phát triển và thống trị thế giới.

### III. KẾT LUẬN

Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại luôn tìm cách điều chỉnh cả quan hệ sản xuất và vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế nhằm thích nghi trước sự biến đổi nhanh chóng, phức tạp của các mối quan hệ kinh tế, chính trị quốc tế. Việc điều chỉnh ở đây xuất phát từ bản thân chế độ tư bản chủ nghĩa - mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cùng những di chứng trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa. Sự điều tiết của tư bản tư nhân quyện chặt với sự điều tiết của nhà nước tư sản thông qua công cụ luật pháp - hành chính - kinh tế - xã hội hết sức đa dạng. Nhà nước tư sản đã chuyển từ chức

năng “người gác cổng” của giai cấp tư sản, sang chức năng can thiệp trực tiếp vào đời sống kinh tế để cứu nguy cho xã hội tư bản. Nhà nước tư sản trở thành trung tâm điều tiết vĩ mô, như người tổ chức đời sống kinh tế - xã hội. Nhà nước can thiệp vào mọi ngành kinh tế, mọi lĩnh vực tái sản xuất xã hội, mọi hoạt động kinh tế trong và ngoài nước. Một cơ chế phối hợp đặc biệt giữa thị trường, độc quyền tư nhân và điều tiết của nhà nước đã được thiết lập. Mặc dù cơ chế này chưa hoàn chỉnh, nhưng nó cũng đã góp phần giải quyết một số bất ổn của chủ nghĩa tư bản.

Vì vậy, khi đánh giá chủ nghĩa tư bản hiện đại, chúng ta cần thấy được tính hai mặt của nó. *Một mặt*, những khuyết tật của nó, những mâu thuẫn nội tại của nó, vẫn chưa mất đi. Nhưng *mặt khác*, năng lực phát triển và tự cải tạo của nó, khả năng thích ứng của nó với điều kiện mới là không nhỏ. Do đó, trong quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, chúng ta phải đề cao cảnh giác, chủ động chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình”, ra sức phát huy nội lực và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh*

*tế chính trị Mác – Lênin (dùng cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (dùng cho khối chuyên ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. *Chủ nghĩa tư bản hiện đại – Khủng hoảng và điều chỉnh* (2002), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. *VI. Lênin (1980): Toàn tập, t. 27*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
7. *Các Mác (1975): Tư bản, quyển 1, tập 3*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
8. C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1995): *Toàn tập*, t. 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Cơ Thạch ( 1/1990), ‘Những chuyển biến trên thế giới và tư duy đổi mới của chúng ta’, *Tạp chí Quan hệ quốc tế*.
10. Trần Bình Trọng - chủ biên (2008), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.